



shí yàn xìng

实验性

noun · experimental nature

Example Sentences

Zhè ge xiàng mù hái chǔ yú shí yàn xìng jiē duàn

这个项目还处于实验性阶段。

This project is still in the experimental stage.

Zhè bù diàn yǐng de shí yàn xìng hěn qiáng yòng le hěn duō xīn shǒu fǎ

这部电影的实验性很强，用了很多新手法。

This film is highly experimental, using many new techniques.

Trace each character, then write the word on your own.

实	实	实	实	实	实	实	实	实	实	实
验	验	验	验	验	验	验	验	验	验	验
性	性	性	性	性	性	性	性	性	性	性